

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24-5-2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hiệp

Bà Nguyễn Hồng Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2024/TLST-HNGĐ ngày 11-4-2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03-5-2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lâm Ca T**, sinh năm 1983; địa chỉ nơi cư trú: **Ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng**. (Vắng mặt)

Người đại diện nhận văn bản của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Thi N**, sinh năm 1998; địa chỉ liên hệ: **Ấp A, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng**, là người đại diện theo văn bản ủy quyền đề ngày 27-3-2024.

- Bị đơn: Ông **Trần Thanh N1**, sinh năm 1984; địa chỉ nơi cư trú: **Ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng**. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 8-4-2024, đơn yêu cầu không hòa giải đề ngày 8-4-2024, đơn xin vắng mặt đề ngày 03-5-2024, nguyên đơn bà **Lâm Ca T** trình bày bà và ông **Trần Thanh N1** quen biết, tự nguyện yêu thương nhau, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng** (Giấy chứng nhận kết hôn số 06). Bà và ông **N1** chung sống thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống nên hôn nhân không hạnh phúc. Ông **N1** từng có vợ và đã ly hôn, sau đó ông **N1**

và bà mới tìm hiểu yêu thương nhau, tổ chức lễ hỏi và đăng ký kết hôn như trên, nhưng khoảng thời gian đầu tháng 01/2024 thì ông N1 từ chối không đồng ý tổ chức lễ cưới với bà và muốn quay về hàn gắn tình cảm với người vợ trước. Vì vậy bà và ông N1 không còn chung sống và đã sống ly thân đến nay. Hiện ai cũng đã có cuộc sống riêng tư, không thể hàn gắn với nhau được nữa, nên bà yêu cầu xin ly hôn. Thời gian chung sống giữa bà và ông N1 không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề này.

Tại đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 03-5-2024, bị đơn ông **Trần Thanh N1** trình bày ông đồng ý ly hôn với bà **Ca T**. Về con chung, tài sản chung, nợ chung ông cũng thống nhất như bà **Ca T** trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt ông theo quy định pháp luật. Ngoài ra ông không có yêu cầu hay ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, bà **Ca T** và ông **N1** vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân cho bà **Lâm Ca T** ly hôn với ông **Trần Thanh N1**; về con chung, tài sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; tuyên án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Lâm Ca T** là vụ án hôn nhân và gia đình về “ly hôn” theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 14 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình; bị đơn ông **Trần Thanh N1** cư trú ấp **Khu A, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng** nên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Bà **Ca T** và ông **N1** kết hôn đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 19-01-2024 là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Theo bà **Ca T** trình bày bà và ông **N1** chung sống không hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 01/2024 đến nay, hiện mỗi người đều đã có cuộc sống riêng, không thể hàn gắn với nhau được nữa; ông **N1** đồng ý ly hôn với bà **Ca T**. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện để đương sự gặp gỡ hòa giải các mâu thuẫn, đoàn tụ nhưng bà **Ca T** vẫn kiên quyết xin ly hôn, ông **N1** đồng ý ly

hôn. Điều này thể hiện bà Ca T và ông N1 sau khi ly thân thì mỗi người tự sống cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng đã không còn, không thể hàn gắn được nữa, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Xét bà Ca T yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Ca T và ông N1 đều trình bày ông, bà không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Ca T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 14 Điều 3, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Ca T với bị đơn ông Trâm Thanh N1:

- Về hôn nhân: Bà Lâm Ca T được ly hôn với ông Trâm Thanh N1 (Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 19-01-2024 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng).

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Lâm Ca T và ông Trâm Thanh N1 đều trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lâm Ca T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004614 ngày 10-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Xuyên;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Nhân